

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn; nuôi
dưỡng con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Ông Nguyễn Văn Xô.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương-Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2024 về "tranh chấp ly hôn; nuôi dưỡng con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký HKTT: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H.

Trú tại: Khu dân cư Lĩnh Đông, phường P, thị xã K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Lê Văn L1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H.

Chị X1, anh L1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Nguyễn Thị X1 trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Lê Văn L1, sinh năm 1982 vào ngày 04/2/2005 trên cơ sở được tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là: UBND) xã T-Nay là phường P, thị xã K, tỉnh H. Sau ngày cưới chị về gia đình anh L1 chung sống được khoảng 01 năm thì chuyển ra ở trên thửa đất khác của gia đình anh L1. Quá trình chung sống tại đây đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L1 có quan

hệ tình cảm với người khác và thường xuyên bỏ nhà đi. Mặc dù chị và hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải, động viên nhưng anh L1 không thay đổi, chỉ hứa hẹn rồi lại tái diễn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ tại khu dân cư Lĩnh Đông, phường Phạm Thái sống ly thân với anh L1 khoảng 02 năm nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Văn L1.

Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 03 con là Lê Thị Thu P1, sinh ngày 21/10/2005, Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 và Lê Minh P1 sinh ngày 23/4/2017. Hiện con Lê Thị Thu P1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải, con Lê Minh P1 đang do chị nuôi dưỡng, còn con Lê Hồng P2 đang do anh L1 nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Lê Minh P1, giao con Lê Hồng P2 cho anh L1 nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Lê Văn L1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-ông Nguyễn Viết Môn trình bày:* Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị X1. Chị X1 và anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị X1, anh L1 chung sống tại khu dân cư Q, phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị X1 sinh con thứ 3 là thì anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải và góp ý với anh L1 nhưng không có kết quả. Khi biết anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị X1 đã cố gắng níu kéo để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh L1 không chịu thay đổi, thậm trí thường xuyên bỏ nhà đi. Đến năm 2022, do không thể chịu đựng được nữa nên chị X1 đã về gia đình ông, sống ly thân với anh L1 từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nhiều lần chị X1 đã tâm sự với vợ chồng ông về việc sẽ ly hôn anh L1, thời gian đầu bản thân ông cũng mong muốn anh L1 thay đổi, gia đình ông đã cho anh L1 rất nhiều cơ hội sửa đổi nhưng anh L1 vẫn chứng nào tật đấy. Nay chị X1 làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X1 ly hôn với anh L1; chị X1, anh L1 có 3 con là Lê Thị Thu P1, sinh ngày 21/10/2005, Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 và Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017. Hiện chị X1 và cháu Phúc đang sống cùng gia đình ông, còn cháu Phong sống cùng gia đình anh L1. Ông xác định chị X1, anh L1 đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con nên nhất trí với quan điểm của chị X1 là đề nghị Tòa án giao cháu Phúc cho chị X1 nuôi dưỡng, giao cháu Phong cho anh L1 nuôi dưỡng.

- *Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-ông Lê Duy Tân trình bày:* Ông là bố đẻ của anh Lê Văn L1, chị Nguyễn Thị X1 là con dâu ông. Chị X1, anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2005. Sau khi kết hôn hai anh chị về sinh sống cùng gia đình ông tại mảnh đất ở khu dân cư Q,

phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn. Khoảng 2 năm sau thì ông cho hai vợ chồng anh chị ra sinh sống tại mảnh đất khác cùng khu dân cư. Vài năm trở lại đây ông thấy vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Sau khi chị X1 làm đơn ly, ông đã động viên, khuyên bảo để chị X1 rút đơn về đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nay chị X1 vẫn cương quyết ly hôn anh L1, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Chị X1, anh L1 có 3 con là Lê Thị Thu P1, sinh ngày 21/10/2005, Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 và Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017. Trường hợp hai anh chị ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 07/5/2024, UBND phường Phạm Thái cung cấp:* Chị Nguyễn Thị X1 và anh Lê Văn L1 là công dân của địa phương. Chị X1, anh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Sơn - nay là phường P, thị xã K, tỉnh H vào ngày 04/02/2005. Sau ngày cưới, chị X1, anh L1 chung sống tại khu dân cư Q, phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn. Quá trình chung sống tại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo nắm bắt tình hình khu dân cư thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và chị X1 đã sống ly thân với anh L1. Nay chị X1 có đơn yêu cầu ly hôn anh L1, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; chị X1 và anh L1 có 3 con là: Lê Thị Thu P1, sinh ngày 21/10/2005, Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 và Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017. Sau khi vợ chồng ly thân, chị X1 đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc tại gia đình nhà ngoại ở khu dân cư Lĩnh Đông, phường Phạm Thái, còn anh L1 đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phong tại khu dân cư Q, phường Phạm Thái. Các cháu Lê Hồng P2 và Lê Minh P1 sinh sống cùng bố, mẹ phát triển lành mạnh. Chị X1 và anh L1 đều làm nghề lao động tự do tại địa phương và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Trường hợp anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện kinh tế cũng như chỗ ở của hai anh chị để giao con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X1 ly hôn anh Lê Văn L1; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X1 trực tiếp nuôi dưỡng

con Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008. Giao cho anh Lê Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017; về án phí: Chị X1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp:* Chị Nguyễn Thị X1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Lê Văn L1 có địa chỉ: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự cho bị đơn nhưng bị đơn từ chối nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 176 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký Tòa án đã tiến hành lập biên bản sự việc; các lần tiếp theo, Thư ký Tòa án không thể tổng đạt, thông báo trực tiếp do bị đơn vắng mặt tại gia đình. Căn cứ Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về thủ tục hòa giải:* Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4]. *Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị X1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (Viết tắt là: HĐXX) xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị X1 và anh Lê Văn L1 kết hôn vào ngày 04/02/2005 trên cơ sở được tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Sơn-Nay là phường P, thị xã K, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị X1 về gia đình anh L1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh L1 có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh. Mặc dù chị X1 và gia đình đã nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng anh L1 không chịu thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi. Do mâu thuẫn vợ chồng căng

thăng, chị X1 đã đưa con về gia đình bố mẹ để sống ly thân với anh L1 từ năm 2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Từ những phân tích, căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị X1, anh L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị X1 được ly hôn anh L1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị X1, anh L1 có 03 con là Lê Thị Thu P1, sinh ngày 21/10/2005, Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 và Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017. Chị X1 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con Lê Thị Thu P1 (đã trưởng thành), có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Lê Minh P1, đề nghị Tòa án giao con Lê Hồng P2 cho anh L1 nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con của các bên đương sự, HĐXX thấy: Chị X1, anh L1 có công việc, thu nhập ổn định nên đều có điều kiện để nuôi dưỡng con; theo tình hình thực tế, chị X1 là người nuôi dưỡng cháu Lê Minh P1, còn anh L1 là người nuôi dưỡng cháu Lê Hồng P2 từ khi vợ chồng sống ly thân. Các cháu Phong, Phúc sống cùng bố, mẹ phát triển khỏe mạnh; cháu Lê Hồng P2 có nguyện vọng được ở với bố vì đang học tập, sinh sống ổn định tại đây. Căn cứ vào điều kiện nuôi con và tình hình thực tế của chị X1, anh L1, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con và ý kiến của Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND phường Phạm Thái, HĐXX thấy cần giao con Lê Minh P1 cho chị X1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Lê Hồng P2 cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đương sự không ai yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X1. Xử cho chị Nguyễn Thị X1 ly hôn anh Lê Văn L1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Minh P1, sinh ngày 23/4/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh Lê Văn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Hồng P2, sinh ngày 27/4/2008 đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, theo biên lai số 0002341 ngày 25/3/2024. Chị Nguyễn Thị X1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Phụ (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân